

BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT
(MATERIAL SAFETY DATA SHEET - MSDS)

SẢN PHẨM: Dung dịch rửa tế bào

Tên chủng loại	Quy cách đóng gói	Mã sản phẩm
Washing Buffer	Chai 50 mL	235
Washing Buffer	Chai 100 mL	149
Washing Buffer	Chai 500 mL	150

Ngày soạn: 08/01/2026

Phiên bản: 1.0

PHẦN 1: NHẬN DẠNG SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY

- Tên sản phẩm:** Dung dịch rửa tế bào
- Nhà sản xuất/Giới thiệu:** Viện Tế bào gốc
- Địa chỉ:** Toà nhà B2-3, Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Khu phố 6, Phường Linh Xuân, Tp. Hồ Chí Minh
- Đường dây khẩn cấp:** (+84) 28 3636 1206
- Công dụng:** Dụng cụ y tế dùng một lần để thu thập, chống đông, lọc và chuẩn bị mẫu máu tự thân cho quy trình tách chiết PRP.

PHẦN 2: NHẬN DẠNG CÁC MỐI NGUY HIỂM

- Phân loại:** Dung dịch đậm vô trùng, không chứa chất độc hại cao.
- Cảnh báo nguy cơ chính:**
 - Gây kích ứng nhẹ cho mắt và da.
 - Không có nguy cơ cháy nổ hoặc độc tính cấp tính đáng kể.
- Biểu tượng cảnh báo (GHS):** Biểu tượng "Cảnh báo" (dấu chấm than) cho kích ứng mắt và da.

PHẦN 3: THÀNH PHẦN/THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

- Thành phần chính:**
 - Natri chloride (NaCl)
 - Natri phosphate dibasic (Na₂HPO₄)
 - Kali phosphate monobasic (KH₂PO₄)
 - Nước cất vô trùng
- Nồng độ điển hình:** NaCl 137 mM, KCl 2.7 mM, Na₂HPO₄ 10 mM, KH₂PO₄ 1.8 mM, pH ~7.4.

PHẦN 4: BIỆN PHÁP SƠ CỨU

- **Hít phải:** Di chuyển đến nơi thoáng khí. Nếu khó thở, tìm kiếm chăm sóc y tế.
- **Tiếp xúc da:** Rửa ngay với nhiều nước và xà phòng.
- **Tiếp xúc mắt:** Rửa mắt dưới vòi nước chảy nhẹ ít nhất 15 phút. Tìm kiếm chăm sóc y tế nếu kích ứng kéo dài.
- **Nuốt phải:** Súc miệng và uống nhiều nước. Không gây nôn. Tham vấn bác sĩ nếu cần.

PHẦN 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- **Phương tiện chữa cháy thích hợp:** Sử dụng bình chữa cháy phù hợp (bột, CO₂, nước).
- **Mối nguy hiểm đặc biệt:** Không có.
- **Thiết bị bảo hộ cho nhân viên cứu hỏa:** Sử dụng thiết bị hô hấp tự cung cấp không khí (SCBA) và trang phục bảo hộ chống cháy.

PHẦN 6: BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI TRẦN ĐỔ

- **Biện pháp phòng ngừa cá nhân:** Mang găng tay, kính bảo hộ, áo choàng phòng thí nghiệm.
- **Biện pháp môi trường:** Ngăn chặn chất lỏng tràn lan vào hệ thống thoát nước.
- **Phương pháp làm sạch:** Thấm bằng vật liệu hấp thụ trơ (giấy thấm, cát). Lau sạch khu vực bằng nước.

PHẦN 7: THAO TÁC VÀ BẢO QUẢN

- **Thao tác:** Sử dụng kỹ thuật vô trùng khi cần thiết. Tránh tiếp xúc trực tiếp với da và mắt.
- **Bảo quản:** Bảo quản trong tủ lạnh (2-8°C) để tránh nhiễm khuẩn. Tránh ánh nắng trực tiếp.

PHẦN 8: KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN

- **Biện pháp kiểm soát kỹ thuật:** Sử dụng trong khu vực thông gió tốt.
- **Biện pháp bảo vệ cá nhân:**
 - **Bảo vệ mắt/mặt:** Kính bảo hộ.
 - **Bảo vệ da/tay:** Găng tay phòng thí nghiệm.
 - **Bảo hộ hô hấp:** Không cần thiết trong điều kiện bình thường.

PHẦN 9: TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

- **Trạng thái:** Dung dịch lỏng trong suốt.
- **Màu sắc:** Không màu.
- **Mùi:** Không mùi.

- **pH:** 6.5 – 7.5
- **Áp suất thẩm thấu (mOsm/kg):** 286 – 356
- **Nội độc tố (EU/mL):** ≤ 1.0
- **Mycoplasma:** Âm tính
- **Vô trùng:** Âm tính
- **Tỷ trọng:** ~ 1.0 g/mL
- **Độ hòa tan:** Hòa tan hoàn toàn trong nước.

PHẦN 10: ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

- **Độ ổn định:** Ổn định trong điều kiện bảo quản khuyến cáo.
- **Tránh điều kiện:** Nhiệt độ cao, ánh sáng mặt trời trực tiếp.
- **Chất không tương thích:** Không tương thích với các chất oxy hóa mạnh.
- **Sản phẩm phân hủy nguy hiểm:** Không có.

PHẦN 11: THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

- **Thông tin chung:** Độc tính thấp.
- **Độc tính cấp:**
 - **Đường miệng:** Có thể gây kích ứng đường tiêu hóa.
 - **Đường da:** Kích ứng nhẹ.
- **Khả năng gây kích ứng/mẫn cảm:** Có thể gây kích ứng mắt và da nhẹ.

PHẦN 12: THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

- **Độc tính sinh thái:** Độc tính thấp đối với sinh vật thủy sinh.
- **Khả năng di chuyển:** Không di chuyển vào môi trường nếu xử lý đúng.
- **Khả năng phân hủy:** Các thành phần có khả năng phân hủy sinh học.

PHẦN 13: QUY ĐỊNH VỀ THẢI BỎ

- **Phương pháp xử lý chất thải:** Tuân thủ quy định địa phương về xả thải hóa chất. Có thể xả xuống cống với nhiều nước nếu được phép.

PHẦN 14: THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

- **Mã số vận chuyển (UN/ID):** Không được phân loại là hàng nguy hiểm.
- **Tên vận chuyển chính thức:** Dung dịch đậm.
- **Nhóm nguy hiểm vận chuyển:** Không áp dụng.
- **Cảnh báo đặc biệt:** Không có.

PHẦN 15: THÔNG TIN VỀ QUY ĐỊNH PHÁP LÝ

- **Quy định an toàn và sức khỏe:** Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất.
- **Quy định về môi trường:** Tuân thủ các quy định về xả thải.

PHẦN 16: THÔNG TIN KHÁC

- **Tài liệu tham khảo:** Thông tin dựa trên kiến thức khoa học hiện tại và hướng dẫn phòng thí nghiệm.
- **Ngày sửa đổi:** 08/01/2026
- **Tuyên bố từ chối trách nhiệm:** Thông tin này chỉ dành cho mục đích tham khảo. Người sử dụng phải tự đánh giá và chịu trách nhiệm về việc tuân thủ các quy định hiện hành và thực hành an toàn trong điều kiện cụ thể của họ.